



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG

Hà Nội: Số 91 Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam - Tel: (84-4) 8344 403 - Fax: (84-4) 8343 605

Cơ sở 2 HCM: Số 15, Đường D5, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tel: (84-8) 5127 254 - Fax: (84-8) 5127 255 - Email: cfti@ftu.edu.vn - Website: www.ftu.edu.vn

CHƯƠNG VII VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA XNK BẰNG VT ĐA PHƯƠNG THỨC

FOREIGN TRADE
UNIVERSITY



TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1. Chương VII: Vận chuyển hàng hóa XNK bằng VTĐPT, Giáo trình Vận tải và Giao nhận trong ngoại thương**
- 2. Chương VII: Góm hàng và VTĐPT, Giáo trình Logistics và vận tải quốc tế**
- 3. Phần V: VTĐPT, Các Công ước quốc tế về vận tải và hàng hải**
- 4. Nghị định 87/2009/NĐ-CP về VTĐPT**
- 5. Thông tư 45/2011/TT-BTC Hướng dẫn thủ tục HQ đối với VTĐPT**



NỘI DUNG

- 1. Khái quát về VTĐPT**
- 2. Tổ chức chuyên chở hàng hóa bằng VTĐPT**
- 3. Thực trạng phát triển VTĐPT**



KHÁI QUÁT VỀ VTĐPT

- ***Nguyên nhân ra đời và phát triển***
- ***Định nghĩa***
- ***Đặc điểm***
- ***Các hình thức tổ chức VTĐPT***
- ***Cơ sở vật chất kỹ thuật VTĐPT***



NGUYÊN NHÂN RA ĐỜI & PHÁT TRIỂN

- *Nhu cầu hoàn thiện hệ thống cung ứng, phân phối vật chất (logistics) của các nhà máy, xí nghiệp, công ty,...*
- *Yêu cầu và điều kiện mà cuộc cách mạng container hóa trong vận tải quốc tế tạo ra*



ĐỊNH NGHĨA

VTĐPTQT là phương pháp vận tải trong đó hàng hóa được vận chuyển bằng hai hay nhiều phương thức vận tải khác nhau, trên cơ sở một chứng từ vận tải, một chế độ trách nhiệm và chỉ một người chịu trách nhiệm về hàng hóa trong suốt hành trình chuyên chở từ một địa điểm nhận hàng ở nước này đến một địa điểm giao hàng ở nước khác



ĐẶC ĐIỂM

- **Có ít nhất hai phương thức vận tải khác nhau tham gia**
- **Chỉ sử dụng một chứng từ**
- **Chỉ một người chịu trách nhiệm về hàng hóa là MTO**
- **MTO chịu trách nhiệm đối với hàng hóa theo một chế độ trách nhiệm nhất định**
- **Nơi nhận hàng và nơi giao hàng ở những nước khác nhau**
- **Hàng hóa thường được vận chuyển trong những công cụ vận tải như container, trailer, pallet,....**



CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC VTĐPT

- ***Mô hình VTĐPT đường biển-hàng không (Sea-Air)***
- ***Mô hình VTĐPT đường ô tô-hàng không (Road-Air)***
- ***Mô hình VTĐPT đường sắt-đường ô tô (Rail-Road)***
- ***Mô hình VTĐPT đường sắt-đường ô tô-đường nội thủy-đường biển (Rail-Road-Inland Waterway-Sea)***



CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC VTĐPT

- ***Mô hình Land Bridge (Cầu lục địa)***
- ***Mô hình Mini-Bridge***



CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT VTĐPT

- *Cơ sở VC-KT các phương thức vận tải*
- *Cơ sở VC-KT hỗ trợ VTĐPT*



NỘI DUNG

- 1. Khái quát về VTĐPT**
- 2. Tổ chức chuyên chở hàng hóa bằng VTĐPT**
- 3. Thực trạng phát triển VTĐPT**



TỔ CHỨC CHUYÊN CHỖ VTĐPT

- ***Cơ sở pháp lý***
- ***Người kinh doanh VTĐPT MTO***
- ***Trách nhiệm MTO đối với hàng hóa***
- ***Thông báo tổn thất và khiếu nại MTO***
- ***Chứng từ VTĐPT***
- ***VTĐPT theo quy định trong Incoterms và UCP***



CƠ SỞ PHÁP LÝ

- ***Các Công ước QT và Quy tắc QT***
- ***Hệ thống luật quốc tế và quốc gia liên quan***



CƠ SỞ PHÁP LÝ

- **Công ước LHQ về chuyên chở hàng hóa bằng VTĐPTQT 1980 (UN Convention on the International Multimodal Transport of Goods 1980)**
- **Quy tắc UNCTAD và ICC về chứng từ VTĐPT 1992 (UNCTAD/ICC Rules for Multimodal Transport Documents, ICC Publication No. 481, 1992 Edition)**
- **Quy tắc Rotterdam- Rotterdam Rules (UN Convention on Contracts for the Carriage of Goods Wholly or Partly by Sea 2009)**



CƠ SỞ PHÁP LÝ

Công ước LHQ về chuyên chở hàng hóa bằng VTĐPTQT 1980 (UN Convention on the International Multimodal Transport of Goods 1980) Gồm:

- 8 Phần (8 Parts)***
- 40 Điều khoản (40 Articles)***
- 01 Phụ lục về HQ (1 Annex)***
- Chưa có hiệu lực***



CƠ SỞ PHÁP LÝ

Quy tắc UNCTAD và ICC về chứng từ VTĐPT 1992 (UNCTAD/ICC Rules for Multimodal Transport Documents, ICC Publication No. 481, 1992 Edition)

- Gồm 13 Quy tắc (13 Rules)***
- Quy phạm pháp luật tùy ý, phải dẫn chiếu trong hợp đồng***



CƠ SỞ PHÁP LÝ

- ***Quy tắc Rotterdam- Rotterdam Rules (UN Convention on Contracts for the Carriage of Goods Wholly or Partly by Sea 2009):***
 - ***Được thông qua vào tháng 9 năm 2009***
 - ***18 Chương với 96 Điều***
 - ***Chưa có hiệu lực***



CƠ SỞ PHÁP LÝ

- ***Các Công ước QT và Quy tắc QT***
- ***Hệ thống luật quốc tế và quốc gia liên quan***



CƠ SỞ PHÁP LÝ

Hệ thống luật quốc tế và quốc gia liên quan:

➤ ***Hiệp định quốc tế***

Eg. ASEAN Framework Agreement on Multimodal Transport 2005

➤ ***Luật quốc gia:***

- Luật riêng

- Quy định trong các luật ngành



TỔ CHỨC CHUYÊN CHỖ VTĐPT

- *Cơ sở pháp lý*
- ***Người kinh doanh VTĐPT MTO***
- *Trách nhiệm MTO đối với hàng hóa*
- *Thông báo tổn thất và khiếu nại MTO*
- *Chứng từ VTĐPT*
- *VTĐPT theo quy định trong Incoterms và UCP*



NGƯỜI KINH DOANH VTĐPT MTO

- ***Định nghĩa MTO***
- ***Phân loại MTO***
- ***Vai trò MTO***



ĐỊNH NGHĨA MTO

" MTO là bất kỳ người nào tự mình hoặc thông qua một người khác thay mặt cho mình, ký một hợp đồng VTĐPT và hoạt động như là một người ủy thác chứ không phải là một người đại lý hoặc người thay mặt người gửi hàng hay những người chuyên chở tham gia công việc VTĐPT và đảm nhận trách nhiệm thực hiện hợp đồng"

Source: UN Convention on Multimodal Transport 1980



ĐỊNH NGHĨA MTO

- "**MTO là bất kỳ người nào ký một hợp đồng VTĐPT và nhận trách nhiệm thực hiện hợp đồng đó như là một người chuyên chở**".
- "**Người chuyên chở là người thực sự thực hiện hoặc cam kết thực hiện việc chuyên chở hoặc một phần chuyên chở, dù người này với người kinh doanh VTĐPT có là một hay không**".

Source: UNCTAD/ICC Rules for Multimodal Transport Documents, ICC Publication No. 481, 1992 Edition



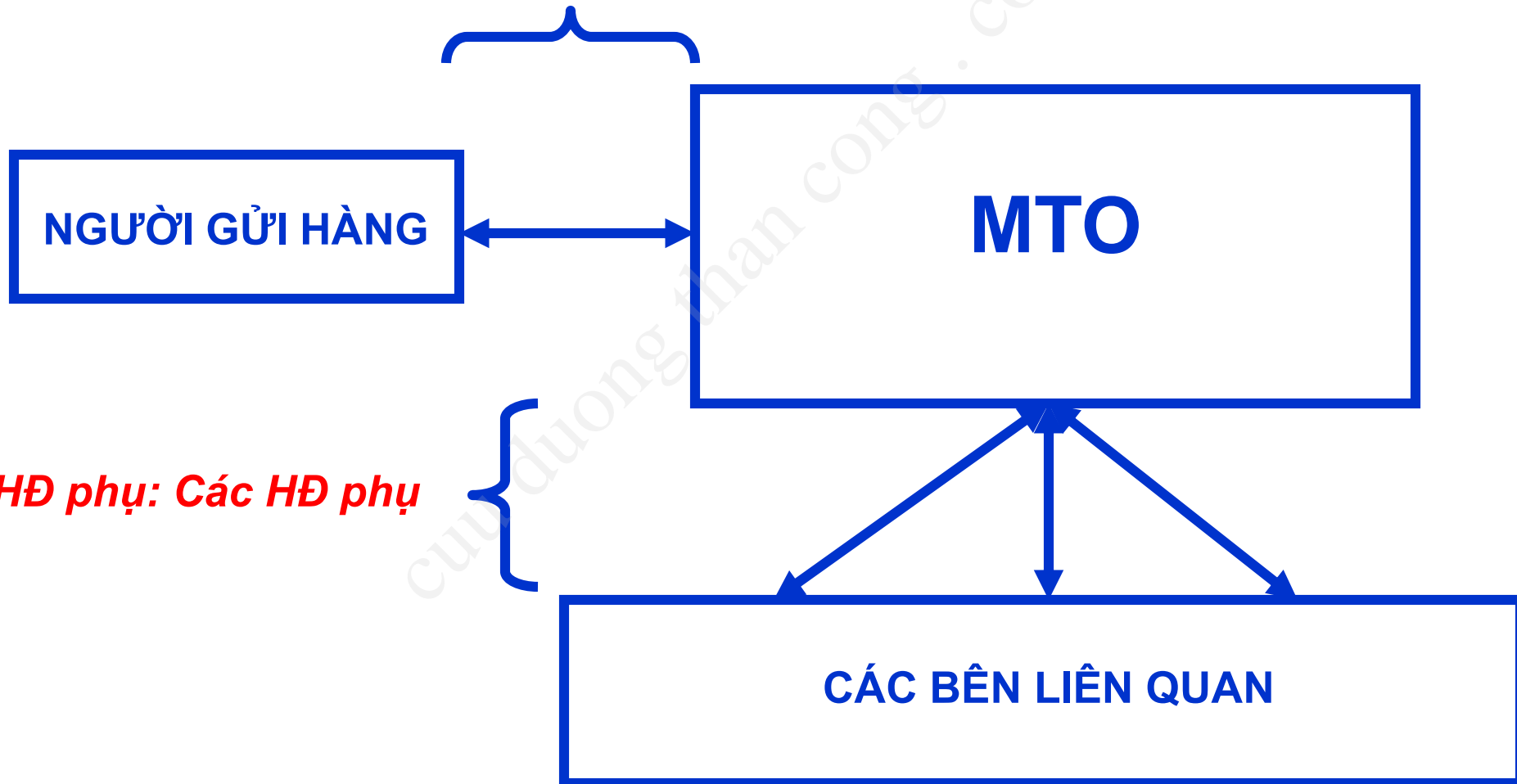
PHÂN LOẠI MTO

- ***MTO có tàu (Vessel Operating Multimodal Transport Operators-VO MTO)***
- ***MTO không có tàu (Non Vessel Operating Multimodal Transport Operators-NVO MTO):***
 - ***Chủ sở hữu phương tiện vận tải khác***
 - ***Người chuyên chở công cộng không tàu***
 - ***Người giao nhận***



VAI TRÒ MTO

HĐ chính: HĐVTĐPT





TỔ CHỨC CHUYÊN CHỖ VTĐPT

- *Cơ sở pháp lý*
- *Người kinh doanh VTĐPT MTO*
- *Trách nhiệm MTO đối với hàng hóa*
- *Thông báo tổn thất và khiếu nại MTO*
- *Chứng từ VTĐPT*
- *VTĐPT theo quy định trong Incoterms và UCP*



TRÁCH NHIỆM MTO ĐỐI VỚI HÀNG HÓA

- ***Cơ sở trách nhiệm (Basic of Liability)***
- ***Thời hạn trách nhiệm (Period of Responsibility)***
- ***Giới hạn trách nhiệm (Limit of Liability)***



TRÁCH NHIỆM MTO ĐỐI VỚI HÀNG HÓA

- ***Chế độ trách nhiệm thống nhất
(Uniform Liability System):***
 - ***Một cơ sở trách nhiệm,***
 - ***Một thời hạn trách nhiệm,***
 - ***Một giới hạn trách nhiệm***
- ***Chế độ trách nhiệm từng chặng
(Network Liability System)***
 - ***Dựa trên cơ sở nhiều chế độ trách
nhiệm các phương thức vận tải
tham gia chuyên chở***



CƠ SỞ TRÁCH NHIỆM

MTO phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mất mát hoặc hư hỏng của hàng hóa, cũng như chậm giao hàng xảy ra khi hàng hóa còn thuộc phạm vi trách nhiệm của MTO, trừ phi MTO chứng minh được rằng anh ta, người làm công hoặc đại lý của anh ta đã áp dụng mọi biện pháp hợp lý, cần thiết để ngăn chặn sự cố xảy ra và hậu quả của nó



THỜI HẠN TRÁCH NHIỆM

Trách nhiệm của MTO đối với hàng hóa bao gồm khoảng thời gian từ khi MTO nhận hàng để chở cho đến khi giao xong hàng.



GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

<i>Trường hợp mất mát, hư hỏng</i>	<i>Theo Công ước LHQ 1980</i>	<i>Theo Quy tắc UNCTAD/ICC 1992</i>
<i>Bao gồm vận chuyển bằng đường biển hoặc thủy nội địa</i> <ul style="list-style-type: none"><i>• Kiện/Đơn vị hàng hóa</i><i>• KG hàng cả bì</i>	<i>920,00 SDR</i> <i>2,75 SDR/kg</i>	<i>666,67 SDR</i> <i>2,00 SDR/kg</i>
<i>Không bao gồm vận chuyển bằng đường biển hoặc thủy nội địa</i> <ul style="list-style-type: none"><i>• KG hàng cả bì</i>	<i>8,33 SDR/kg</i>	<i>8,33 SDR/kg</i>



GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

<i>Trường hợp chậm giao hàng</i>	<i>Theo Công ước LHQ 1980</i>	<i>Theo Quy tắc UNCTAD/ICC 1992</i>
	<i>2,5 lần cước lô hàng chậm</i>	<i>1,0 lần cước lô hàng chậm</i>



TỔ CHỨC CHUYÊN CHỖ VTĐPT

- *Cơ sở pháp lý*
- *Người kinh doanh VTĐPT MTO*
- *Trách nhiệm MTO đối với hàng hóa*
- ***Thông báo tổn thất và khiếu nại MTO***
- *Chứng từ VTĐPT*
- *VTĐPT theo quy định trong Incoterms và UCP*



THÔNG BÁO TỔN THẤT VÀ KHIẾU NẠI MTO

- *Thông báo tổn thất*
- *Khiếu nại*



THÔNG BÁO TỔN THẤT VÀ KHIẾU NẠI MTO

- **Thông báo tổn thất:**
 - **Tổn thất rõ rệt: không muộn hơn 1 ngày sau ngày làm việc**
 - **Tổn thất không rõ rệt: trong vòng 6 ngày liên tục sau ngày hàng hóa được giao**
 - **Chậm giao hàng: trong vòng 60 ngày liên tục sau ngày hàng hóa được giao cho Người nhận hoặc sau ngày Người nhận được thông báo đã giao hàng**



THÔNG BÁO TỔN THẤT VÀ KHIẾU NẠI MTO

- **Khiếu nại:**
 - **Thời hạn khiếu nại:**
 - + **6 tháng** theo Công ước
 - + **9 tháng** theo Quy tắc
 - **Việc thụ lý vụ kiện: 2 năm**
 - **Hồ sơ khiếu nại gồm các chứng từ **chứng minh:****
 - + **Lợi ích của Người khiếu nại**
 - + **Trách nhiệm MTO về mất mát, hư hỏng, chậm giao hàng**



TỔ CHỨC CHUYÊN CHỞ VTĐPT

- *Cơ sở pháp lý*
- *Người kinh doanh VTĐPT MTO*
- *Trách nhiệm MTO đối với hàng hóa*
- *Thông báo tổn thất và khiếu nại MTO*
- ***Chứng từ VTĐPT***
- *VTĐPT theo quy định trong Incoterms và UCP*



CHỨNG TỪ VTĐPT

- ***Định nghĩa***
- ***Nội dung chứng từ VTĐPT***
- ***Các loại chứng từ VTĐPT***



ĐỊNH NGHĨA

" Chứng từ VTĐPT là chứng từ *chứng minh cho một hợp đồng VTĐPT* và có thể được thay thế bởi một thư truyền dữ liệu điện tử, như luật pháp áp dụng cho phép và có hình thức có thể lưu thông hoặc không thể lưu thông, có ghi rõ tên người nhận."

Source: UNCTAD/ICC Rules for Multimodal Transport Documents, ICC Publication No. 481, 1992 Edition



ĐỊNH NGHĨA

" Chứng từ VTĐPT là một chứng từ làm *bằng chứng cho một hợp đồng VTĐPT*, cho việc nhận hàng để chở của người kinh doanh VTĐPT và cam kết anh ta giao hàng theo đúng những điều khoản của hợp đồng".

Source: UN Convention on the International Multimodal Transport of Goods 1980



NỘI DUNG CHỨNG TỪ VTĐPT

- **Hàng hóa**
- **Người kinh doanh VTĐPT**
- **Người gửi hàng**
- **Người nhận hàng**
- **Địa điểm và ngày nhận hàng**
- **Địa điểm và thời hạn giao hàng**
- **Tiền cước**
- **Hàng trình của lô hàng**
- **Cơ sở pháp lý**



CÁC LOẠI CHỨNG TỪ VTĐPT

- ***Vận đơn FIATA (FIATA Negotiable Multimodal Transport Bill of Lading-FBL)***
- ***Chứng từ vận tải liên hợp (Combined Transport Document-COMBIDOC)***
- ***Chứng từ vừa dùng cho vận tải liên hợp vừa dùng cho vận tải đường biển (Bill of Lading for Combined Transport Shipment or Port to Port Shipment)***
- ***Chứng từ VTĐPT (Multimodal Transport Document-MULTIDOC)***



TỔ CHỨC CHUYÊN CHỖ VTĐPT

- *Cơ sở pháp lý*
- *Người kinh doanh VTĐPT MTO*
- *Trách nhiệm MTO đối với hàng hóa*
- *Thông báo tổn thất và khiếu nại MTO*
- *Chứng từ VTĐPT*
- ***VTĐPT theo quy định trong Incoterms và UCP***



NỘI DUNG

- 1. Khái quát về VTĐPT***
- 2. Tổ chức chuyên chở hàng hóa bằng VTĐPT***
- 3. Thực trạng phát triển VTĐPT***



THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN VTĐPT

- ***VTĐPT trên thế giới***
- ***VTĐPT khu vực Châu Á và Đông Nam Á***
- ***VTĐPT tại Việt Nam***



Thank You!